TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2023
V/v "*Ly hôn,*
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Quốc Trung;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên toà: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 120/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Duy T**, sinh năm: 1984; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố H, phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc TR**, sinh năm: 1991; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị TR kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường 5, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2013 vào ngày 01/3/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do chị TR đi làm xa, không chung thuỷ có quan hệ với người khác, không chăm lo cho chồng con. Sau khi ngồi lại bàn bạc để giải quyết thì anh có đón chị về

nhà hàn gắn nhưng đến tháng 01/2023 thì chị TR lại bỏ đi, từ đó anh chị không còn liên lạc để hàn gắn nửa và ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị TR.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Đặng MAI A, sinh ngày 25/9/2013 và Đặng TRÍ H, sinh ngày 23/12/2016 hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi 02 người con chung không yêu cầu chị TR cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù toà án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Ngọc TR có nơi cư trú tại phường 5, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị TR, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28; của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh T và chị TR kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường 5, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2013 vào ngày 01/3/2013 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do chị TR đi làm xa, không chung thuỷ, có quan hệ với người khác, không chăm lo cho chồng con. Sau khi ngồi lại bàn bạc để giải quyết thì anh có đón chị về nhà nhưng đến tháng 01/2023 thì chị TR lại bỏ đi, từ đó anh chị không còn liên lạc để hàn

gắn nửa và ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị TR.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị TR đã được Tòa án tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án nhưng chị TR không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Cho thấy chị TR không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị TR đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh T và chị TR đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Đặng MAI A, sinh ngày 25/9/2013 và Đặng TRÍ H, sinh ngày 23/12/2016. Khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi 02 người con chung, không yêu cầu chị TR cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu MAI A và cháu TRÍ H đang sống cùng với anh T và 02 cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng cha là anh T; qua xác minh tại địa phương thì anh T có việc làm ổn định đủ điều kiện nuôi con; trong quá trình giải quyết vụ án chị TR không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng MAI A và Đặng TRÍ H cho anh Đặng Duy T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì anh T và chị TR được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Duy T.

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Duy T được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc TR.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Duy T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đặng MAI A, sinh ngày 25/9/2013 và Đặng TRÍ H, sinh ngày 23/12/2016; chị Trần Thị Ngọc TR không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đặng Duy T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Đặng Duy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0027372 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị Ngọc TR không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND Phường N, TXGC
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo